**YÊU CẦU ĐỂ KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA ÁP DỤNG   
BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ[[1]](#footnote-1)**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Hiệp định thực thi Điều VI Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) của WTO;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (“Nghị định số 10/2018/NĐ-CP);

- Thông tư số 06/2018/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2018 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (“Thông tư số 06/2018/TT-BCT”).

**2. Ai là người chuẩn bị và nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân *đại diện cho ngành sản xuất trong nước* có quyền nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là “Bên yêu cầu”) trong trường hợp nhận thấy hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.[[2]](#footnote-2) *Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cần đáp ứng các yêu cầu về tính đại diện* nêu tại Mục 3 dưới đây.

Trong trường hợp không có Bên yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.[[3]](#footnote-3) Tuy nhiên, trong thực tiễn tại Việt Nam cũng như trên thế giới, trường hợp Cơ quan điều tra tự lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá gần như không có.

**3. Tính đại diện của Bên yêu cầu**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá được coi là đại diện cho ngành sản xuất trong nước khi đáp ứng đủ 02 điều kiện sau đây:[[4]](#footnote-4)

(a) Tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá phải lớn hơn tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước phản đối việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

(b) Tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá **chiếm ít nhất 25%** tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của ngành sản xuất trong nước.

***Ví dụ:***

Tổng sản lượng sản xuất hàng hóa của ngành sản xuất trong nước là 100 tấn.

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước ủng hộ việc nộp hồ sơ (bao gồm các doanh nghiệp nộp hồ sơ và các doanh nghiệp ủng hộ) có tổng sản lượng 30 tấn.

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước phản đối việc nộp hồ sơ có sản lượng 20 tấn.

***Kiểm tra:***

+) Kiểm tra điều kiện (a): 30 > 20 => Thỏa mãn

+) Kiểm tra điều kiện (b): 30/100 = 30% >25% => Thỏa mãn

***Như vậy thỏa mãn điều kiện đứng đơn của các doanh nghiệp nộp hồ sơ và ủng hộ việc nộp hồ sơ.***

Ngành sản xuất trong nước là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước. Trong trường hợp nhà sản xuất trong nước trực tiếp nhập khẩu hàng hóa bị điều tra hoặc có mối quan hệ với các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa bị điều tra thì nhà sản xuất này có thể không được xem là nhà sản xuất trong nước.[[5]](#footnote-5)

Khối lượng, số lượng hàng hóa sản xuất chiếm ít nhất 50% tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất ở trong nước được coi là chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành sản xuất trong nước.[[6]](#footnote-6)

**4. Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá**

Biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam chỉ được áp dụng nếu thỏa mãn đầy đủ 3 điều kiện:[[7]](#footnote-7)

(a) Hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá với biên độ bán phá giá được xác định cụ thể;

(b) Có thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước; và

(c) Tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại/đe dọa thiệt hại/ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

**5. Thời kỳ thu thập dữ liệu**

Đối với hành vi bán phá giá hàng hóa nhập khẩu, Bên yêu cầu cần thu thập thông tin, dữ liệu trong thời kỳ 12 tháng, được gọi là thời kỳ điều tra xác định việc bán phá giá. Trong trường hợp đặc biệt, Cơ quan điều tra có thể xác định một thời kỳ điều tra khác nhưng không ít hơn 06 tháng.[[8]](#footnote-8)

Đối với các yếu tố về thiệt hại, Bên yêu cầu cần thu thập thông tin, dữ liệu trong thời kỳ ít nhất là 03 năm và phải bao gồm toàn bộ thời kỳ điều tra xác định việc bán phá giá nêu trên. Trong trường hợp bên liên quan có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập sẽ là toàn bộ thời gian hoạt động của bên liên quan đó tính đến thời điểm có quyết định điều tra.[[9]](#footnote-9)

**6. Xác định hành vi bán phá giá**

Hàng hóa được xác định bị bán phá giá khi nhập khẩu vào Việt Nam với giá thấp hơn giá thông thường là giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự bán tại nước xuất khẩu hoặc tại một nước thứ ba trong các điều kiện thương mại thông thường hoặc mức giá mà Cơ quan điều tra xác định bằng phương pháp tự tính toán.[[10]](#footnote-10)

*Giá xuất khẩu* là giá bán của hàng hóa bị điều tra được xuất khẩu sang Việt Nam dựa trên các chứng từ giao dịch hợp pháp.[[11]](#footnote-11)

*Giá thông thường* được xác định như sau:[[12]](#footnote-12)

Trường hợp hàng hóa tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu với khối lượng, số lượng đáng kể, giá thông thường là giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự đang được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu theo điều kiện thương mại thông thường.

Trong trường hợp không có hàng hóa tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu hoặc trong trường hợp việc bán trong nước đó không cho phép việc so sánh hợp lý do điều kiện đặc biệt của thị trường đó hoặc do hàng hóa tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu với khối lượng, số lượng không đáng kể thì giá thông thường được xác định theo một trong các cách sau đây:

(a) Giá xuất khẩu của hàng hóa tương tự sang một nước thứ ba thích hợp với điều kiện giá xuất khẩu đó mang tính đại diện;

(b) Cơ quan điều tra tự xây dựng dựa trên giá thành hợp lý của hàng hóa cộng thêm các chi phí hợp lý khác và lợi nhuận ở mức hợp lý dựa trên từng công đoạn từ khâu sản xuất đến lưu thông trên thị trường của nước xuất khẩu hoặc nước thứ ba.

**7. Xác định biên độ bán phá giá**

Biên độ bán phá giá là khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá trị thông thường của hàng hóa đó tại thị trường nội địa nước xuất khẩu so với giá xuất khẩu hàng hóa đó vào Việt Nam sau khi đã điều chỉnh những khác biệt có ảnh hưởng đến sự so sánh về giá.[[13]](#footnote-13) Hãy thể hiện sự khác biệt này theo tỷ lệ % trên giá xuất khẩu CIF hoặc FOB.

Biên độ bán phá giá được tính theo công thức sau:

(Giá trị thông thường – Giá xuất khẩu)x100%

Biên độ bán phá giá =

Giá xuất khẩu

Để so sánh giá trị thông thường và giá xuất khẩu, để đảm bảo việc so sánh công bằng cần phải đưa về cùng cấp độ thương mại, thông thường là ở cấp độ xuất xưởng (ex-work).

**8. Xác định thiệt hại đáng kể/đe dọa gây thiệt hại đáng kể/ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước**

Việc xác định thiệt hại đáng kể/đe dọa gây thiệt hại đáng kể/ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước phải dựa trên những chứng cứ cụ thể.

*8.1. Xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước[[14]](#footnote-14)*

Việc xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau đây:

(a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc tiêu dùng trong nước;

(b) Tác động ép giá, kìm giá của hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam đối với giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

(c) Tác động của hàng hóa bị bán phá giá đối với tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước, bao gồm mức suy giảm thực tế, suy giảm tiềm ẩn của doanh thu, lượng bán hàng, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, công suất, năng suất, đầu tư; các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán trong nước; độ lớn của biên độ bán phá giá; và ảnh hưởng bất lợi thực tế và tiềm ẩn đối với dòng tiền, tồn kho, lao động, tiền lương, khả năng huy động vốn;

(d) Các yếu tố tác động khác.

*8.2. Xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước[[15]](#footnote-15)*

Việc xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau đây:

(a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc so với tiêu dùng trong nước;

(b) Năng lực sản xuất của nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đủ lớn hoặc có thể gia tăng đáng kể trong tương lai gần dẫn đến khả năng gia tăng đáng kể của khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam;

(c) Hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam làm giảm giá đáng kể, hoặc kìm giá ở mức đáng kể, hoặc ngăn không cho tăng đáng kể giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước, dẫn đến khả năng gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu;

(d) Số liệu tồn kho của hàng hóa bị điều tra;

(e) Các yếu tố khác.

Việc xem xét tổng hợp các yếu tố quy này cho thấy khả năng thực tế gia tăng nhập khẩu hàng hóa bị bán phá giá và nếu không áp dụng biện pháp chống bán phá giá thì thiệt hại đáng kể sẽ xảy ra.

*8.3. Xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước[[16]](#footnote-16)*

Việc xác định sự hình thành của ngành sản xuất trong nước được xem xét dựa trên các yếu tố sau đây:

(a) Đặc điểm của ngành sản xuất trong nước;

(b) Thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước;

(c) Quy mô hoạt động của ngành sản xuất trong nước so với toàn bộ thị trường;

(d) Điểm hòa vốn tài chính hợp lý của ngành sản xuất trong nước;

(e) Ngành sản xuất đang xem xét là ngành sản xuất mới hay là sự mở rộng dây chuyền của ngành sản xuất hiện tại;

(f) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra xác định là phù hợp.

Việc xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước được xem xét dựa trên các yếu tố sau đây:

(a) Kế hoạch của ngành sản xuất trong nước;

(b) Công suất và sản lượng sản xuất;

(c) Khối lượng, số lượng bán hàng trong nước;

(d) Thị phần, doanh thu, lợi nhuận;

(e) Giá bán hàng hóa tương tự trong nước;

(f) Tình hình xuất khẩu hàng hóa tương tự và tình hình nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

(g) Tồn kho;

(h) Nhân công và tiền lương;

(i) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra xác định là phù hợp.

**9. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước**

Khi xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước, cần xem xét:[[17]](#footnote-17)

(a) Việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là nguyên nhân gây ra thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước.

(b) Các yếu tố khác ngoài việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước sẽ không được xem xét vào ảnh hưởng do hàng hóa bị bán phá giá gây ra, bao gồm:

(i) Khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam không bị bán phá giá;

(ii) Mức độ giảm sút của cầu tiêu dùng hoặc sự thay đổi về hình thức tiêu dùng đối với hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

(iii) Chính sách hạn chế thương mại;

(iv) Sự phát triển của công nghệ;

(v) Khả năng xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất trong nước;

(vi) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra thấy phù hợp.

=================

1. Chỉ có tính chất tham khảo; [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 70 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2 Điều 79 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 1 Điều 69 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 1 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-9)
10. Khoản 2 Điều 77 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-10)
11. Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 16 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 20 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-13)
14. Điều 23 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-14)
15. Điều 24 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-15)
16. Điều 25 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-16)
17. Điều 27 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-17)